

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /CTHTHHKV IX-KTTC

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

V/v kê khai giá dịch vụ hoa tiêu.

Kính gửi: Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX kính gửi Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính Bảng kê khai mức giá dịch vụ hoa tiêu (kèm theo bảng kê khai mức giá)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 15/02/2024.

Công văn này thay thế Công văn số 33/CTHTHHKV IX ngày 25/01/2024 của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX về việc kê khai giá dịch vụ hoa tiêu.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Cty BĐATHHMN (để báo cáo);
- Chi bộ Công ty (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo Công ty;
- Kiểm soát viên Công ty;
- Lưu: VT, KTTC.



Vũ Liên Việt

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: Thái Thị Hoa
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 279 đường 3/2, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
- Số điện thoại liên lạc: 0254.3527118 – 0933 915511
- Email: thaihoa.hoatieu@gmail.com
- Số fax: 0254.3527111

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Ban hành kèm theo Công văn số: 43 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX)

I. Mức kê khai giá

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá kê khai mới theo Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa						
1.1	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL Đồng/lượt dẫn tàu	162 0	129,6 2.160.000	-32,4 2.160.000	80 100

1.2	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên;	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	162	97,2	-64,8	60
	- Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu		Đồng/lượt dẫn tàu	0	2.160.000	2.160.000	100
1.3	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi như sau:	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/giờ/người	21.600	32.400	10.800	50
	- Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện		Đồng/giờ/người và phương tiện	216.000	216.000	0	0
	+ Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ; + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.						
1.4	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2	80% theo giá quy định tại điểm 1.1; 1.2	0	0
1.5	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2	0	0

1.6	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	Không quy định	150% mức giá quy định tại điểm 1.1; 1.2		150
1.7	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm 1.3; 1.4; 1.5; 1.6 và 1.7 khoản này);	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	Không quy định	110% mức giá quy định tại điểm 1.1; 1.2		110
1.8	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải;	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP		Không quy định	Thu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu		100
1.9	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/tàu/lượt	324.000	324.000	0	0
1.10	Tàu thuyền vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này được áp dụng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 1.1; 1.2	80% theo giá quy định tại điểm 1.1; 1.2	0	0
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế						
2.1	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	0,0324	0,01296	-0,0194	40
			USD/lượt dẫn tàu	216	216	0	0

3997
CỘNG
H
TIÊU
IU V
UT

2.2	<p>- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên;</p> <p>- Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	0,0324	0,00864	0,02376	27
			USD/lượt dẫn tàu	216	216	0	0
2.3	<p>Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi như sau:</p> <p>- Hoa tiêu</p> <p>- Hoa tiêu và phương tiện</p> <p>+ Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ;</p> <p>+ Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ;</p> <p>+ Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/giờ/người	10,8	10,8	0	0
			USD/giờ/người và phương tiện	21,6	21,6	0	0
2.4	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 2.1, 2.2	80% theo giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	0	0
2.5	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	Không quy định	80% theo giá quy định tại điểm 2.1, 2.2		

2.6	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	150% mức giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	150% mức giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	0	0
2.7	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm 1.3; 1.4; 1.5; 1.6 và 1.7 khoản này);	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	110% mức giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	0	0
2.8	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải;	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/tàu/lượt	324	216	-108	67
2.9	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/tàu/lượt	32,4	32,4	0	0
2.10	Tàu thuyền vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này được áp dụng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: 21.11336-QMS/TTP	USD/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	80% theo giá quy định tại điểm 2.1; 2.2	0	0

II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX kê khai giá dịch vụ hoa tiêu phù hợp với giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam thay thế Thông tư 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

- Mức giá kê khai (sau khi tách thuế GTGT) nằm trong khung giá quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến,

phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

- Tăng, giảm giá dịch vụ hoa tiêu giảm áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi cụ thể:

+ Giảm giá dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa và quốc tế

+ Giảm giá dịch vụ hoa tiêu đối với trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có xác nhận của cảng vụ hàng hải khu vực.

- + Bổ sung giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu cho tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (Thông tư 54/2018/TT-BGTVT không quy định)

+ Tăng giá chờ đợi cho dịch vụ hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đối với cảng dầu khí ngoài khơi

III. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

Mức giá kê khai mới thực hiện từ ngày 15/02/2024 nằm trong khung giá quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 11 Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn;

2. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8, Điều 9 nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

4. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 0%

Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì mức giá áp dụng bằng mức giá kê khai (cột 6) chia cho (1 + 8% VAT).

Tỷ giá (VND/USD) áp dụng là tỷ giá mua vào chuyển khoản công bố tại Ngân hàng đơn vị kê khai giá mở tài khoản tại thời điểm đơn vị phát hành hóa đơn.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 15 tháng 02 năm 2024./.